

Kinh tế và Dự báo



Economy &
Forecast
Review

04/2017
Số 11

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866-7120



Hoàn thiện chính sách tín dụng
cho nông nghiệp, nông thôn

Kinh tế Việt Nam sau 10 năm gia nhập WTO

Nguồn: internet

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

CƠ QUAN NGÔN LUẬN
CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập
PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

Phó Tổng Biên tập
LÊ MINH HẢI
ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Hội đồng Biên tập
TS. CAO VIẾT SINH
PGS, TS. LÊ XUÂN BÁ
PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG
TS. TRẦN DU LỊCH
PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ
PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN
PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT
PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ
TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

Tòa soạn và trị sự
65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 080.43174 / 080.44474
Fax: 04.3747.3357
Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn
Tạp chí điện tử
<http://kinhtevadubao.vn>

Chi nhánh phía Nam
289 Điện Biên Phủ,
Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0903823407 / 0975666868

Quảng cáo và phát hành
Tel: 080.48310 / 0945669911

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT
In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 19.500 đồng

MỤC LỤC

TỬ CHÍNH SÁCH ĐẾN CUỘC SỐNG

- Nguyễn Minh Tuấn:** Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ NSNN 3
Đỗ Thị Hà Thương: Hoàn thiện chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn 6

PHÂN TÍCH - NHẬN ĐỊNH - DỰ BÁO

- Lê Quốc Phương:** Kinh tế Việt Nam sau 10 năm gia nhập WTO 9
Nguyễn Tấn Vinh: Một số vấn đề sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế 14
Nguyễn Văn Điền: Về xử lý nợ xấu của ngành ngân hàng trong bối cảnh hiện nay 18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Mạc Chí Công:** Năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập:
Thực trạng và giải pháp 22
Võ Tá Tri, Nguyễn Thị Minh Hằng: Để tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước
đi vào thực chất hơn 25
Lê Anh Duy: Nâng cao hiệu quả cổ phần hóa DNNN 28
Trần Huy Khôi, Lê Thị Xoan: Bàn về trách nhiệm của doanh nghiệp
đối với bảo vệ môi trường 32
Nguyễn Văn Trúc: Nhu cầu đào tạo về khởi sự doanh nghiệp khoa học và công nghệ
ở Việt Nam 35
Phạm Thanh Tuấn, Lương Tuấn Phương: Giải pháp nâng cao chất lượng
đội ngũ cán bộ, công chức Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2017-2021 37
Giao Thị Hoàng Yến, Giao Thị Khánh Ngọc: Giáo dục định hướng nghề nghiệp:
Nhìn từ thực tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân 40
Lê Đình Chiểu: Bàn thêm về lựa chọn mô hình phát triển bền vững
ngành công nghiệp mỏ Việt Nam 43
Đào Thanh Hương: Làm gì để tăng cường xuất khẩu hàng hóa Việt Nam
vào thị trường Trung Quốc 47

NHÌN RA THẾ GIỚI

- Vương Thu Hương:** Một số dự báo về nguy cơ khủng hoảng Khu vực đồng tiền chung
châu Âu 50
Trần Thị Lan: Phát triển dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu: Kinh nghiệm từ Thái Lan 53

KINH TẾ NGÀNH - LÃNH THỔ

- Phạm Ngọc Tùng, Ngô Thị Thuận:** Thực trạng chất lượng lao động ở làng nghề
tỉnh Bắc Ninh 56
Lê Thị Bình, Đào Thu Trà: Phân đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn
của tỉnh Thanh Hóa 58
Nguyễn Cảnh Hưng: Phân tích năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Trị 61
Lê Thị Minh Thy: Phát triển công nghiệp hỗ trợ tại TP. Hồ Chí Minh 64

Bàn thêm về lựa chọn mô hình phát triển bền vững ngành công nghiệp mỏ Việt Nam

LÊ ĐÌNH CHIỀU*

Công nghiệp mỏ (mining industry) là ngành công nghiệp khai thác nguồn tài nguyên không tái tạo, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu khoáng cho nền kinh tế quốc dân. Thời gian qua, việc phát triển ngành công nghiệp mỏ đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, mô hình phát triển ngành này đến nay có những điểm không còn phù hợp với thực tiễn, cần có sự thay đổi. Bài viết nghiên cứu mô hình công nghiệp mỏ hiện nay ở Việt Nam và đưa ra một số giải pháp để phát triển ngành bền vững.

THỰC TRẠNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP MỎ HIỆN NAY

Theo như phân ngành hệ thống kinh tế quốc dân của Việt Nam, ngành công nghiệp mỏ (ngành khai khoáng) cùng với ngành công nghiệp chế biến là 2 trong số 21 ngành kinh tế cấp 1 của hệ thống ngành kinh tế quốc dân. Tuy là một trong 21 ngành kinh tế cấp 1, nhưng ngành công nghiệp mỏ lại có những đóng góp rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện là một ngành kinh tế then chốt, mũi nhọn của nền kinh tế, bằng những đóng góp của ngành trong tổng giá trị sản phẩm trong nước (GDP) (Bảng 1).

Việt Nam là một quốc gia được đánh giá là có lợi thế để phát triển ngành công nghiệp mỏ. Điều đó thể hiện ở trữ lượng tài nguyên của Việt Nam. Theo thống kê của Hãng tin tài chính Bloomberg, tính đến năm 2013, trữ lượng dầu thô xác minh ở Việt Nam là khoảng 4,4 tỷ thùng; trữ lượng khí xác minh là khoảng 6,6 tỷ m³ (đứng thứ 3 Đông Nam Á) (Phương Anh, 2013).

Về tài nguyên than, theo như số liệu thăm dò đến năm 2014, trữ lượng than

của Việt Nam vào khoảng 48,9 tỷ tấn, tập trung ở hai bể than lớn là bể than Đông Bắc và bể than Đồng bằng sông Hồng. Hiện tại Việt Nam có trên 5.000 điểm mỏ, khai thác trên 60 loại khoáng sản khác nhau. Điều này cho thấy, ở Việt Nam công nghiệp mỏ là một ngành công nghiệp then chốt.

Hoạt động của ngành công nghiệp mỏ được thực hiện chủ yếu ở hai tập đoàn kinh tế lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). Hai tập đoàn kinh tế này đã có những đóng góp rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước (Bảng 2 và 3).

Sau một giai đoạn dài phát triển, nhiều quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam đã và đang phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng, như: cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường... Vì vậy, phát triển bền vững trở thành nhiệm vụ sống còn của hầu hết các quốc gia cả phát triển và đang phát triển trên thế giới. Để thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững của

BẢNG 1: ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP MỎ TRONG GDP

Ngành kinh tế	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
Khai khoáng (CNM)	426.184	10,82	402.869	9,61

Nguồn: Tổng cục Thống kê

* ThS., Trường Đại học Mỏ - Địa chất | Email: ledinhchieu@gmail.com

BẢNG 2: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CỦA PVN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Sản lượng khai thác	Triệu tấn	17,87	17,23
2	Doanh thu	Nghìn tỷ đồng	560,1	452,5
3	Lợi nhuận	Nghìn tỷ đồng	32,1	23,5
4	Nộp NSNN	Nghìn tỷ đồng	115,1	90,2

Nguồn: PVN

BẢNG 3: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CỦA TKV

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Sản lượng than khai thác	Triệu tấn	37,6	32,7
2	Sản lượng than tiêu thụ	Triệu tấn	35,5	35,2
3	Doanh thu	Tỷ đồng	106.000	101.180
-	Trong đó: DT than	Tỷ đồng	53.900	51.120
4	Lợi nhuận	Tỷ đồng	600	800
5	Nộp NSNN	Nghìn tỷ đồng	12,11	14,31

Nguồn: TKV

HÌNH 1: MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA WORLD BANK



nền kinh tế, đòi hỏi phải có sự phát triển bền vững, đồng bộ của các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam (QĐ 153/2014/QĐ-TTg, ngày 17/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ) đã đặt ra mục tiêu phát triển bền vững cho Việt Nam và cụ thể hóa mục tiêu đó cho các lĩnh vực, các ngành kinh tế khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh đó, hoạt động khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm của ngành (than, dầu khí, khoáng sản quặng kim loại, vật liệu xây dựng...) có tác động rất tiêu cực đến môi trường địa chất, cũng như môi trường sống của con người. Vì vậy, trong quy hoạch phát triển các phân ngành của ngành công nghiệp mỏ cũng nêu rõ mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Theo quy hoạch phát triển ngành than, việc phát triển ngành công nghiệp mỏ than Việt Nam dựa trên một số quan điểm: Phát triển trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; Phát triển bền vững, hiệu quả theo hướng đồng bộ, phù hợp với sự phát triển chung của các ngành kinh tế khác; Phát triển ngành than gắn liền với bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái vùng than.

- Theo quy hoạch phát triển ngành khí Việt Nam, xác định việc phát triển ngành khí góp phần đảm bảo an ninh năng lượng dài hạn cho đất nước và thực hiện chính sách phát triển bền vững...

Như vậy, thông qua các định hướng, chính sách phát triển của Việt Nam nói chung và của ngành công nghiệp mỏ nói riêng, có thể thấy rằng, nền kinh tế Việt Nam cũng như ngành công nghiệp mỏ Việt Nam đang lựa chọn mô hình phát triển bền vững của Ngân hàng Thế giới (World Bank - WB) làm mô hình phát triển của mình (Hình 1) (Nguyễn Thế Chinh, 2013).

Mô hình phát triển bền vững ngành than Việt Nam cũng được xây dựng dựa trên mô hình phát triển bền vững của WB. Việc áp dụng mô hình này cho một quốc gia là hoàn toàn phù hợp, bởi thực tế đây là một mô hình rất phổ biến và được nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng làm mô hình phát triển của mình. Bên cạnh đó, mô hình này phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Các chỉ tiêu phát triển bền vững kinh tế (sản xuất - kinh doanh) và đảm bảo an toàn lao động, điều kiện môi trường.

Tuy nhiên, nếu áp dụng mô hình này vào một ngành kinh tế mà không có sự biến đổi cho phù hợp thì sẽ không phản ánh được những đặc trưng của ngành kinh tế đó và do đó các giải pháp phát triển được đưa ra sẽ không thể đảm bảo tính toàn diện và cụ thể được.

Mô hình chi tiết thái cực kinh tế trong điều kiện thực tiễn của việc tổ chức sản xuất ngành than Việt Nam (hoạt động khai thác than ở Việt Nam chủ yếu được thực hiện bởi TKV) và bổ sung thêm nội dung phát triển các sản phẩm thay thế than. Tác giả cho rằng, việc bổ sung nội dung này là rất cần thiết bởi các khoáng sản nói chung và than nói riêng là nguồn tài nguyên không tái tạo, sẽ cạn kiệt

trong tương lai. Chính vì vậy, cần thiết phải tìm kiếm các sản phẩm thay thế để đảm bảo phát triển bền vững. Tuy nhiên, mô hình này còn đan xen giữa phát triển bền vững của một ngành kinh tế (do Nhà nước quản lý) và phát triển bền vững doanh nghiệp (TKV). Điều này sẽ gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện mô hình và khó khăn trong việc xác định rõ ràng vai trò của doanh nghiệp, của Nhà nước trong việc theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững của ngành.

MÔ HÌNH ĐỀ XUẤT VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Mô hình đề xuất

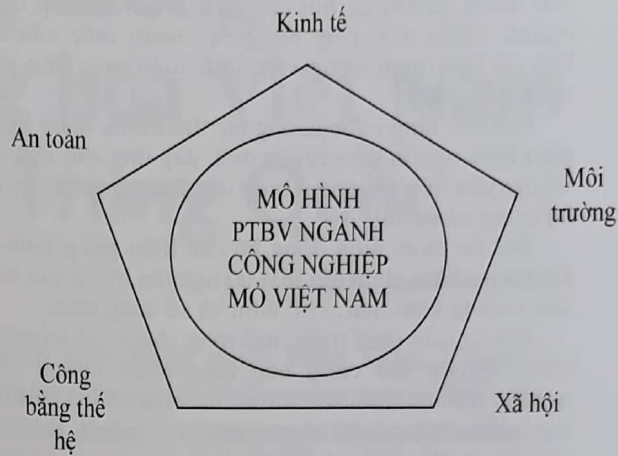
Mục tiêu phát triển bền vững của ngành cần có sự liên hệ với mục tiêu phát triển của cả nền kinh tế. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, ngành công nghiệp mỏ có những đặc trưng của nó:

(i) Ngành công nghiệp mỏ khai thác nguồn tài nguyên trong lòng đất. Việc khai thác gặp rất nhiều khó khăn. Nó không những có thể gây nguy hiểm cho người lao động, mà còn có thể gây nguy hiểm cho cộng đồng trên mặt đất (sụt lún, chấn động do biến đổi của điều kiện địa chất, địa chất thủy văn...). Điều này càng nguy hiểm đối với Việt Nam bởi nhiều khu vực khai thác gần các khu dân cư trong vùng mỏ. Chính vì vậy, yếu tố an toàn cần thiết phải được đưa vào mô hình để từ đó nhấn mạnh đến các giải pháp tương ứng hướng tới phát triển bền vững ngành công nghiệp mỏ;

(ii) Ngành công nghiệp mỏ khai thác nguồn tài nguyên không tái tạo, dù muốn hay không thì nguồn tài nguyên này cũng sẽ cạn kiệt theo quá trình khai thác. Vì vậy, việc bảo toàn và chuyển giao nguồn tài nguyên này cho tương lai là không thể. Do đó, trách nhiệm của thế hệ hiện tại là phải chuyển giao một nguồn tài nguyên khác cho thế hệ tương lai - nguồn tài nguyên tri thức. Và để làm được điều đó thì song hành với việc khai thác, cần phải tăng cường công tác nghiên cứu, phát triển các nguồn năng lượng thay thế để chuyển giao cho thế hệ tương lai, đảm bảo được nhiệm vụ và mục tiêu phát triển bền vững. Vì thế yếu tố công bằng thế hệ cần được tách ra và đưa vào mô hình như một thái cực độc lập với các thái cực khác (kinh tế, xã hội, môi trường).

Trên cơ sở những lập luận cũng như việc tham khảo, kế thừa từ những mô

HÌNH 2: MÔ HÌNH PTBV NGÀNH CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT NAM



BẢNG 4: NỘI DUNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP MỎ

THÁI CỰC	NỘI DUNG
1. Kinh tế	- Phát triển kinh doanh các sản phẩm của ngành công nghiệp mỏ (dầu, khí, than, khoáng sản...) và các sản phẩm liên quan; - Góp phần tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu của nền kinh tế (đóng góp và GDP, GNP, nộp NSNN...).
2. Xã hội	- Giải quyết công ăn việc làm; - Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; - Góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng mỏ và của đất nước.
3. Môi trường	- Giảm khai thác với quá trình bảo vệ môi trường thông qua việc đánh giá tác động môi trường; - Phục hồi môi trường; hoàn nguyên.
4. An toàn	- Đảm bảo an toàn lao động; - Đảm bảo an toàn cho cộng đồng trong vùng mỏ; - Đảm bảo an ninh, trật tự trong vùng mỏ.
5. Công bằng thế hệ	- Tăng cường tìm kiếm, thăm dò để phát hiện tài nguyên; - Khai thác tài nguyên có hiệu quả, giảm tổn thất tài nguyên trong quá trình khai thác, chế biến và tiêu thụ; - Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển để chuyển giao nguồn tài nguyên tri thức.

Nguồn: Đề xuất của tác giả

hình phát triển bền vững đã và đang được áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam, tác giả đề xuất mô hình phát triển bền vững ngành công nghiệp mỏ Việt Nam gồm 5 thái cực như Hình 2 và nội dung mô hình phát triển bền vững ngành công nghiệp mỏ (Bảng 4).

Giải pháp thực hiện

Trên cơ sở mô hình phát triển bền vững ngành công nghiệp mỏ đã đề xuất ở trên, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm hướng tới phát triển bền vững ngành công nghiệp mỏ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người lao động trong ngành cũng

như người dân trong vùng mỏ; tuyên truyền nâng cao trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong ngành. Điều này giúp nâng cao nhận thức của các bên có liên quan trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ hai, tăng cường công tác tìm kiếm, thăm dò để phát hiện nguồn tài nguyên mới, đáp ứng cho nhu cầu về nguyên liệu khoáng ở hiện tại cũng như của các thế hệ tương lai.

Thứ ba, thực hiện đồng bộ các biện pháp kinh tế, kỹ thuật nhằm giảm tổn thất tài nguyên trong quá trình sản xuất từ khai thác, chế biến và sử dụng than.

Thứ tư, cần phát triển, mở rộng chuỗi giá trị ngành công nghiệp mỏ cũng như từng phân ngành công nghiệp mỏ, từ khâu tìm kiếm, thăm dò đến khâu tiêu thụ, nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho ngành. Đặc biệt chú trọng đến khâu chế biến, hạn chế việc xuất khẩu các sản phẩm thô. Ngoài ra, trên cơ sở sản phẩm của ngành, phát triển lan tỏa các sản phẩm có liên quan, như: nhiệt điện, xi măng, hóa chất... nhằm khai thác được các cơ hội thị trường.

Thứ năm, gắn chặt giữa công tác khai thác tài nguyên với bảo vệ môi trường và công tác hoàn nguyên. Để làm được điều này, các doanh nghiệp trong ngành cũng như các cơ quan hữu quan cần tiếp tục thực hiện trích lập

quỹ môi trường và tăng cường giải ngân quỹ này cho việc bảo vệ môi trường cũng như công tác hoàn nguyên.

Thứ sáu, tăng cường nghiên cứu, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất làm giảm hao phí lao động, cũng như đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình sản xuất.

Thứ bảy, cần thiết phải trích lập quỹ “phát triển bền vững”. Quỹ này có thể được hình thành từ một phần doanh thu của hoạt động kinh doanh nguyên liệu khoáng ở hiện tại (*Mức trích = Doanh thu x Tỷ lệ trích*) hoặc được tính vào giá thành theo một tỷ lệ % trên giá thành. Việc trích lập này thể hiện trách nhiệm của các thế hệ hiện tại đối với tương lai.

Thứ tám, cần có kế hoạch khai thác các mỏ sau đóng cửa, như: hình thành các khu du lịch khám phá, du lịch trải nghiệm hay du lịch sinh thái. Điều này, một mặt, tạo điều kiện bảo vệ môi trường, mặt khác, có thể đem lại nguồn thu cho ngành, cho địa phương. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 459/2011/QĐ-TTg, ngày 30/03/2011 phê duyệt Quy hoạch ngành khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025*
2. Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 60/2012/QĐ-TTg, ngày 09/01/2012 phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến 2030*
3. Thủ tướng Chính phủ (2014). *Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17/08/2014 ban hành định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)*
4. Nguyễn Thế Chinh (2013). *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nxb Thống kê, Hà Nội
5. Phương Anh (2013). *Trữ lượng dầu của Việt Nam “chỉ thua Trung Quốc” ở Đông Á*, truy cập từ <http://dantri.com.vn/kinh-doanh/tru-luong-dau-cua-viet-nam-chi-thua-trung-quoc-o-dong-a-1386463122.htm>
6. Nguyễn Minh Huệ, Nguyễn Công Quang (2013). *Đề xuất mô hình và bộ chỉ tiêu phát triển bền vững ngành than Việt Nam*, truy cập từ [http://nangluongvietnam.vn/news/vn/nhan-dinh-phan-bien-kien-nghi/de-xuat-mo-hinh-va-bo-chi-tieu-phat-trien-ben-vung-nganh-than-viet-nam-\(ky-cuoi\).html](http://nangluongvietnam.vn/news/vn/nhan-dinh-phan-bien-kien-nghi/de-xuat-mo-hinh-va-bo-chi-tieu-phat-trien-ben-vung-nganh-than-viet-nam-(ky-cuoi).html)

QUẢNG CÁO SỐ 11

THÁNG
04/2017

KINH TẾ VÀ DỰ BÁO

1. Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel.....	Bìa 2
2. Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á.....	Bìa 3
3. Công ty XNK Tổng hợp Bình Phước.....	Bìa 4
4. Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á.....	Trang trong
5. Viễn thông Quốc tế.....	Trang trong
6. Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thang máy Đồng Khởi.....	Trang trong
7. Công ty TNHH Bao bì Việt In.....	Trang trong
8. Công ty TNHH MTV TM DV Mộc Minh Đức.....	Trang trong
9. Công ty TNHH MTV Tấn Phát Tấn Đạt.....	Trang trong
10. Công ty TNHH MTV Hồng Phát Cà Mau.....	Trang trong
11. Công ty TNHH Xây dựng Viễn thông dân dụng Trường Lộc.....	Trang trong
12. Công ty TNHH Nuôi trồng Nấm Hòa Long.....	Trang trong
13. Công ty TNHH TM Hoàng Ngân.....	Trang trong